

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2025/HSST**
Ngày: 24/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Duy Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST – HS ngày 27 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc H, tên gọi khác: không, giới tính: nữ, sinh năm: 1999; nơi sinh: tỉnh Bình Phước.

Số căn cước công dân: 070199007874, nơi cấp: Cục Cảnh sát.

Nơi thường trú: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án: không; Tiền sự: 01 (Ngày 26/4/2022 bị Công an huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 6.500.000 đồng theo Quyết định số 19/QĐ-XPHC về hành vi Cố ý gây thương tích (chưa đóng tiền phạt)).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/6/2024 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Bùi Thanh H, sinh năm: 2003

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Nguyễn Duy Kh, sinh năm: 1996

Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 21 giờ 20 phút, ngày 10 tháng 06 năm 2024, Công an huyện B phối hợp với Công an xã B, huyện B tiến hành tuần tra trên tuyến đường ĐT760 do huyện B quản lý. Khi tổ tuần tra đi đến Cổng chào thôn 2, xã B thì phát hiện người phụ nữ đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72E1-219.72 đi từ hướng xã M vào xã B có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra thì người phụ nữ khai nhận là Nguyễn Ngọc H và có sử dụng chất ma túy đá. Ngoài ra, Nguyễn Ngọc H còn khai báo có cất giữ ma túy tại nhà trọ của Nguyễn Duy Kh tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau đó, tổ công tác đã áp giải Nguyễn Ngọc H về phòng trọ để Nguyễn Ngọc H chỉ chỗ cất giữ 02 cục chất rắn dạng tinh thể màu trắng (nghi là ma túy đá) ở trong túi quần Jean phía trước bên phải của Nguyễn Ngọc H để trong nhà tắm. Ngoài ra Nguyễn Ngọc H còn chỉ nơi cất giữ một gói nylon miệng khóa miết, viên màu đỏ bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (nghi là ma túy đá) để trong tấm nệm được gấp lại trong nhà trọ. Qua điều tra Nguyễn Ngọc H khai nhận số ma túy trên là của Nguyễn Ngọc H vừa mua của người tên S (không rõ nhân thân, lý lịch ở tỉnh Bình Dương) với giá 5.000.000 đồng và cất giữ tại nhà trọ của Nguyễn Duy Kh nhằm để sử dụng, nên tổ công tác đã tiến hành bắt người phạm tội quả tang, niêm phong tang vật (ký hiệu lần lượt là M1, M2 có chữ ký của Nguyễn Ngọc H) để phục vụ công tác điều tra, truy tố và xét xử (BL01-02, 45-55).

Tại kết luận giám định số: 615/KL-KTHS ngày 17 tháng 06 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Phước, kết luận:

+ Tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,2053 gam.

+ Tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 10,0094 gam.

Tổng khối lượng là 10,2147 gam.

Tại Cáo trạng số 18/CT – VKS ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về hình phạt: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 (một) bì thư đã được niêm phong

đựng mẫu hoàn lại sau giám định số 615 M1, M2 ngày 11 tháng 06 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Phước;

Đối với 01 (một) mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại: Vision; màu sơn: trắng; biển kiểm soát: 72E1-219.72. Ngày 16 tháng 08 năm 2024 Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã nhận được Công văn số 217/CSĐT(HS) của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc phối hợp điều tra vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 02/05/2024 tại thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, chiếc xe này là tang vật của vụ trộm cắp tài sản đã nêu trên nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã bàn giao xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại: Vision; màu sơn: trắng; biển kiểm soát: 72E1-219.72 trên cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ, tỉnh Đ xử lý theo quy định (BL 63).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan CSĐT - Công an huyện B, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận vào Ngày 10/6/2024, Công an huyện B phối hợp với Công an xã B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Ngọc H đang tàng trữ 0,2053 gam ma túy, loại Methamphetamine được đựng trong túi quần Jean phía trước bên phải của Nguyễn Ngọc H trong phòng tắm và tàng trữ 10,0094 gam ma túy, loại Methamphetamine để trong tấm nệm được gấp lại trong nhà trọ của Nguyễn Duy K tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tổng khối lượng ma túy loại Methamphetamine được Nguyễn Ngọc H tàng trữ là 10,2147 gam với mục đích để sử dụng.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Ngọc H đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, do lối sống buông thả, dẫn đến nghiện ma túy nên mặc dù nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện lỗi cố ý. Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc H đã phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ma túy bị cáo tàng trữ là Methamphetamine, có khối lượng là 10,2147 gam thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

g). Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền sự vẫn chưa chấp hành thể hiện nhân thân xấu.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo đã lập công chuộc tội; bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần xem xét giảm nhẹ 1 phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định và đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 (một) bì thư đã được niêm phong đựng mẫu hoàn lại sau giám định số 615 M1, M2 ngày 11 tháng 06 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Phước là vật cấm lưu hành, tàng trữ nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- 01 (một) mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại: Vision; màu sơn: trắng; biển kiểm soát: 72E1-219.72. Ngày 16 tháng 08 năm 2024 Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã nhận được Công văn số 217/CSĐT(HS) của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc phối hợp điều tra vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 02/05/2024 tại thôn N, xã , huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, về chiếc xe này là tang vật của vụ trộm cắp tài sản đã nêu trên nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện B, tỉnh

Bình Phước đã bàn giao xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu loại: Vision; màu sơn: trắng; biển kiểm soát: 72E1-219.72 trên cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử lý theo quy định nên không xem xét giải quyết.

[7] Về các nội dung khác:

[7.1] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7.2] Đối với người thanh niên tên S (không rõ nhân thân, lý lịch) đã bán ma túy cho Nguyễn Ngọc H. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch không có tài liệu chứng cứ khác. Cơ quan CSĐT – Công an huyện B không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7.3] Đối với Trần Thị Mỹ D theo lời khai của Nguyễn Ngọc H thì vào ngày 10/6/2024 Trần Thị Mỹ D gọi điện cho Nguyễn Ngọc H đi xuống tỉnh Bình Dương gặp Sơn để lấy ma túy và đem về cho Trần Thị Mỹ D. Quá trình điều tra đã tiến hành làm việc với Trần Thị Mỹ D và Nguyễn Ngọc H, Trần Thị Mỹ D không thừa nhận việc trên, điện thoại của Nguyễn Ngọc H, Trần Thị Mỹ D đã hư không thể khôi phục được dữ liệu và không có tài liệu chứng cứ nào khác nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện B không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7.4] Đối với Nguyễn Duy Kh, Bùi Thanh H không biết Nguyễn Ngọc H cất ma túy trong phòng trọ, không có căn cứ, tài liệu nào khác chứng minh có yếu tố đồng phạm. Cơ quan CSĐT – Công an huyện B không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7.5] Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.6] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) bì thư đã được niêm phong đưng mẫu hoàn lại sau giám định số 615 M1, M2 ngày 11 tháng 06 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước bên trong có chứa số ma túy còn lại sau giám định. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0010207 ngày 19/02/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B)*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh